

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
(Ban hành theo Quyết định số 619/QĐ-ĐHDL, ngày 22 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực)

Phần 1: Thông tin về chương trình đào

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản lý Công nghiệp

Tên tiếng Anh: Industrial Management

Mã ngành đào tạo: 7510601

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Kỹ sư

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả: Năm học 2020 - 2021

Phần 2: Mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra, học tập và đánh giá, cấu trúc chương trình đào tạo, mô tả học phần

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Quản lý công nghiệp là nhóm ngành, nghề đào tạo trong lĩnh vực quản lý công nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng toàn diện, thực tế liên quan đến công tác tổ chức, quản lý, điều hành, hoạch định trong các hệ thống sản xuất công nghiệp.

1.2.1. Kiến thức

Trang bị kiến thức về quản lý và phân tích các hệ thống sản xuất công nghiệp thông qua việc ứng dụng các công cụ, kỹ thuật và nguyên tắc.

Trang bị kiến thức về lập kế hoạch, đo lường, phân tích, cải tiến, giám sát các hệ thống sản xuất công nghiệp.

Trang bị kiến thức về hệ thống và quy trình để giải quyết các vấn đề của quản lý công nghiệp.

Trang bị kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành phục vụ công việc và nghiên cứu

1.2.2. Kỹ năng

Trang bị các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tự học, thích nghi và phát triển trong môi trường công nghiệp.

Trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề và truyền đạt, giải thích vấn đề đến người khác tại nơi làm việc, nhóm nghiên cứu.

1.2.3. Thái độ

Rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và tác phong công nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Kỹ sư/chuyên viên Phòng Quản lý sản xuất, Phòng QC (kiểm soát chất lượng), Phòng kế hoạch, Phòng cải tiến, Các phân xưởng sản xuất, Phòng hành chính sản xuất....

Phòng Cơ điện, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kế hoạch, Phòng Cải tiến, Tổ sửa chữa, Các phân xưởng sản xuất....

Phòng mua hàng, Phòng kinh doanh, Kho nguyên vật liệu, Kho thành phẩm, Trung tâm Logistic, Trung tâm phân phối....

Giáo viên giảng dạy các môn học chuyên ngành tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Nghiên cứu viên lĩnh vực Quản lý công nghiệp ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học, Cao đẳng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

KT1: Hiểu và áp dụng tốt các kiến thức về phương pháp và công cụ của quản lý công nghiệp vào thực tế công việc chuyên môn;

KT2: Hiểu và áp dụng các kiến thức khoa học cơ bản để hỗ trợ giải quyết các bài toán của quản lý công nghiệp;

KT3: Hiểu và áp dụng kiến thức về ứng dụng công nghệ và công nghệ thông tin trong bối cảnh mới vào lĩnh vực quản lý công nghiệp;

KT4: Hiểu và áp dụng tốt kiến thức về lập kế hoạch, đo lường, phân tích, cải tiến, giám sát để ứng dụng vào quá trình quản lý, sản xuất công nghiệp;

KT5: Có kiến thức chuyên sâu về xây dựng hệ thống quản lý và điều hành chuyên môn trong lĩnh vực quản lý công nghiệp như điều hành hoạt động sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, tối ưu chi phí, đảm bảo chất lượng sản phẩm, kiểm soát tiến độ sản xuất và cung ứng;

KT6: Có kiến thức về các công cụ quản lý hiện đại của Quản lý công nghiệp như 5S, Kaizen, TPM, LEAN, SixSigma, TQM, Logistics, kho hàng, mô phỏng hệ thống sản xuất kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

KN1: Có kỹ năng phát hiện các vấn đề trong lĩnh vực quản lý công nghiệp, phân tích và giải quyết chúng;

KN2: Có kỹ năng làm việc nhóm, phân công nhiệm vụ, giám sát tiến độ và dẫn dắt các thành viên nhóm;

KN3: Có kỹ năng phản biện các vấn đề chuyên môn của quản lý công nghiệp. Sử dụng các công cụ biểu đồ, hình ảnh cho việc trao đổi thông tin, thảo luận chuyên môn trong cả môi trường kỹ thuật và quản lý; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu phục vụ cho công việc chuyên môn;

KN4: Có kỹ năng đánh giá các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, quản lý chất lượng, tiến độ, an toàn, nhân sự... có liên quan của quản lý công nghiệp để cải tiến chúng;

KN5: Có năng lực ngoại ngữ đạt trình độ 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;

KN6: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; phổ biến kiến thức và kỹ năng trong thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý công nghiệp.

KN7: Có kỹ năng thiết kế và tạo lập các hệ thống Quản lý sản xuất, quản lý dự án, quản lý chất lượng, quản lý nhân lực, quản lý chuỗi cung ứng.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

TĐ1: Có khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập trong môi trường làm việc khác nhau. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôn trọng sự khác biệt;

TĐ2: Có ý thức trách nhiệm cao trong chuyên môn; giám sát thành viên trong tổ, đội hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ, chất lượng, an toàn;

TĐ3: Có ý thức tự học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, tự định hướng để phát triển sự nghiệp; Có năng lực và trách nhiệm chuyên môn để đảm bảo tính chính xác trong đánh giá, kiểm tra, theo dõi và giám sát các vấn đề trong quản lý công nghiệp;

TĐ4: Có ý thức về đảm bảo chất lượng, tiến độ và liên tục cải tiến trong công việc.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 151 tín chỉ

(Không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp THPT (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc đã tốt nghiệp trung cấp;

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự
Hình thức tuyển sinh:

Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT và các hình thức khác (Theo quy định chung của GD&ĐT)

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp và điểm đánh giá học phần, tốt nghiệp:

Tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá:

Chấm điểm theo thang điểm 10 và quy đổi theo thang điểm chữ theo quy định tại Quy chế đào tạo hiện hành.

7. Ma trận chuẩn đầu ra và môn học: (5 cấp bậc đánh giá: 1. Hiểu; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá)

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG - 32 TC																						
1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	2	2															
2	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0		3															
3	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0		3															
5	001893	Nhập môn tin học	3	45	0		3															
6	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	2	2															
7	003612	Vật lý	3	45	0	2	2															
8	003629	Vẽ kỹ thuật 1	2	30	0	3	3					3							3			
9	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	2	2															
10	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0											4						
11	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	2	2															
12	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0											4						
13	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	2	2															
14	003657	Xác suất thống kê	2	30	0		3															
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																						
CƠ SỞ NGÀNH																						
1	001189	Kinh tế học đại cương	2	30	0		4					3	3	3					3			
2	001359	Kỹ thuật nhiệt 1	2	30	0		3	3	3				3									3
3	001286	Kỹ thuật điện đại cương	2	28	2	3	3	3				3										
4	002244	Quản trị học	3	45	0	3							3						3			
5	003381	Toán kinh tế	3	45	0	4	4			3		3			3					3		
6	003105	Thương mại điện tử	2	30	0	3	3	3	3						3							
7	003695	Kinh tế công nghiệp	2	30	0	3	3					3	3						3	3		
8	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	3	3					4	4									

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
9	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0	3				4		3							3		3	3
10	001019	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	3	3								3							3
11	001671	Marketing căn bản	2	30	0				4			4			4					3		
12	002742	Thực tập Điện cơ bản (D1)	1	0	0	3						3	3						3	3	3	3
13	003804	Kỹ thuật đo lường	2	27	6			4	4	3							3			3		
NGÀNH																						
1	000885	Hệ thống cung cấp NL nhiệt	3	45	0																	
2	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	2								4								
3	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	3				4			3						3		3	3
4	002134	Quản lý Logistics	2	30	0																	
5	003702	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN 1	2	30	0	3									3	3						
6	000504	Định mức kinh tế kỹ thuật	2	30	0	3	3		4								4		3			
7	002089	Quản lý chất lượng	2	30	0	3				4			3						3		3	3
8	000881	Hệ thống cung cấp điện	3	45	0	3			4	4			4				3			3		
9	002000	Phân tích và quản lý dự án	3	45	0																	
10	002314	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	3	45	0	4	4		4	4		4	4	4	4		4	4	4	4		
11	003703	Tiếng Anh chuyên ngành QLNL 2	2	30	0	4									3	4						
12	002302	Sản xuất sạch hơn	2	30	0	3	3	3	3		3	3	3	3			3			3	3	
13	001307	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	3	45	0	4			5	4	3		3		4		3					3
14	002127	Quản lý dữ trữ và kho hàng	2	30	0	4			4		3		3	3	4		3					3
15	002086	Quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp	2	30	0																	
16	002272	Quản trị sản xuất tinh gọn	2	30	0	3				4	5	4	4	4				3	3	3	3	

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
17	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	3			3				3		3		3					3
18	003697	Phát triển sản phẩm	2	30	0	2	3						3				3				3	
19	002150	Quản lý mua hàng	2	30	0	3				3		3			3		3			3		3
20	003802	Phương pháp 5S và Kaizen	2	30	0	2			3	3	4	3		3	3			3				
21	003700	Thực tập nhận thức QLCN	2	30	0	3									4		4		4	3	3	3
22	003701	Thực tập vận hành QLCN	3	45	0	3									4		4		4	3	3	3
23	002895	Thực tập quản lý	4	0	120	3									4		4		4	3	3	3
CHUYÊN NGÀNH + Thực tập, đồ án																						
QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ TÁC NGHIỆP																						
1	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	3					3		3	3			3				3	
2	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến	2	30	0																	
3	004165	Tổ chức lao động – Chưa chọn	2	30	0	3				3		3			3							
4	004162	Phương pháp quản lý 6 Sigma – Chưa chọn	2	30	0	3			3		5	4							3		3	3
5	003693	Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM – Chưa chọn	2	30	0	3	3					3	3						3	3	3	3
6	004167	Thiết kế kho hàng	2	30	0	3					3	4			3		4					3
7	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	3	3	3					3						3			3
8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	2	3		2			4									3	
9	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng	2	30	0	4	3	4	4			3	3									3
10	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	4	4	4				3								4	4	
11	003022	Thực tập tốt nghiệp	5	0	120	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
12	003794	Đồ án tốt nghiệp	14	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
QUẢN LÝ BẢO DƯỠNG CÔNG NGHIỆP																						

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
1	004158	Lập kế hoạch và lịch trình bảo dưỡng công nghiệp	2	30	0	2				3				4				3			3	
2	004157	Duy trì năng suất tổng thể - TPM – Chưa chọn	2	30	0	2	2				4							3				3
3	000017	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp – Chưa chọn	2	30	0																	
4	004159	Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị cơ khí – Chưa chọn	2	30	0	2				3				3				3			3	
5	004160	Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị điện – Chưa chọn	2	30	0	2				3				3				2			3	
6	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	3					3		3	3			3				3	
7	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến	2	30	0																	
8	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	3	3	3					3						3			3
9	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	2	3		2			4									3	
10	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng	2	30	0	4	3	4	4			3	3									3
11	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	4	4	4				3								4	4	
12	003022	Thực tập tốt nghiệp	5	0	120	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
13	003794	Đồ án tốt nghiệp	14	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
QUẢN LÝ DỰ TRỮ VÀ KHO HÀNG																						
1	004167	Thiết kế kho hàng	2	30	0	3					3	4			3		4					3
2	003890	Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối – Chưa chọn	2	30	0	3			3	3		3							3		3	
3	003353	Hệ thống xếp dỡ hàng hóa – Chưa chọn	2	30	0	2			3			3		4	4		3				3	
4	004170	Vận tải và giao nhận hàng hóa – Chưa chọn	2	30	0					3		3	3				3		3	3	3	3

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
5	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	3					3			3	3			3			3	
6	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến	2	30	0																	
7	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	3	3	3					3						3			3
8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	2	3		2			4									3	
9	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng	2	30	0	4	3	4	4			3	3									3
10	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	4	4	4				3								4	4	
11	003022	Thực tập tốt nghiệp	5	0	120	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
12	003794	Đồ án tốt nghiệp	14	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

Ghi chú: Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình

8. Cấu tạo chương trình

Khối kiến thức			Tín chỉ (TC)		Tỷ lệ %
			Bắt buộc	Tự chọn	
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin, pháp luật		13		8,6%
	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên		12		8,0%
	Ngoại ngữ		7		4,6%
	Giáo dục thể chất		Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành		19	8	17,9%
	Chuyên ngành bắt buộc		48		31,8%
	Chuyên ngành tự chọn	Quản lý sản xuất và tác nghiệp		15	9,9%
		Quản lý bảo dưỡng công nghiệp		15	9,9%
		Quản lý dự trữ và kho hàng		15	9,9%
	Thực tập bổ trợ		10		6,6%
	Thực tập tốt nghiệp		5		3,3%
	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		14		9,3%
Quản lý sản xuất và tác nghiệp			128	23	
			151		
Quản lý bảo dưỡng công nghiệp			128	23	
			151		
Quản lý dự trữ và kho hàng			128	23	
			151		100%

9. Kế hoạch đào tạo theo từng kỳ:

9.1. Chuyên ngành Quản lý sản xuất và tác nghiệp

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
1	1	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	20	CC
2	1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	KHCT
3	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	GDDC
4	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0	GDDC
5	1	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0	GDDC
6	1	003870	Giáo dục quốc phòng 1	2	30	0	CC
7	1	003871	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	CC
8	1	003872	Giáo dục quốc phòng 3	6	20	65	CC
9	1	003873	Giáo dục quốc phòng 4	1	10	10	CC
10	1	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	CC
11	1	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	CC
12	1	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	CC
13	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	KHCT
14	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0	GDDC
15	2	003629	Vẽ kỹ thuật 1	2	30	0	CSN
16	2	001893	Nhập môn tin học	3	39	12	GDDC
17	2	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	GDDC
18	2	003612	Vật lý	3	45	0	GDDC

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
19	3	001189	Kinh tế học đại cương	2	30	0	CSN
20	3	001286	Kỹ thuật điện đại cương	2	28	4	CSN
21	3	001359	Kỹ thuật nhiệt 1	2	30	0	CSN
22	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0	CSN
23	3	002742	Thực tập Điện cơ bản (D1)	1	0	30	CSN
24	3	003381	Toán kinh tế	3	45	0	CSN
25	3	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	GDDC
26	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	GDDC
27	4	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	Ngành
28	4	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	Ngành
29	4	003804	Kỹ thuật đo lường	2	27	6	CSN
30	4	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0	CSN
31	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	Ngành
32	4	002244	Quản trị học	3	45	0	CSN
33	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	KHCT
34	5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	GDDC
35	5	000504	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2	30	0	CN
36	5	000885	Hệ thống cung cấp năng lượng nhiệt	3	45	0	CN
37	5	003695	Kinh tế công nghiệp	2	30	0	CSN
38	5	002134	Quản lý logistics	2	30	0	CN
39	5	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	Ngành
40	5	003105	Thương mại điện tử*	2	30	0	CN
41	5	003702	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN1	2	30	0	CN
42	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	Ngành
43	6	000881	Hệ thống cung cấp điện	3	45	0	CN
44	6	002000	Phân tích và quản lý dự án	3	45	0	CN
45	6	002089	Quản lý chất lượng	2	30	0	CN
46	6	002302	Sản xuất sạch hơn	2	30	0	CN
47	6	002314	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	3	45	0	CN
48	6	003700	Thực tập nhận thức QLCN	2	0	60	CN
49	6	003703	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN2	2	30	0	CN
50	7	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	Ngành
51	7	001307	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	3	45	0	CN
52	7	002150	Quản lý mua hàng	2	30	0	CN
53	7	003802	Phương pháp 5S và Kaizen	2	30	0	CN
54	7	002086	Quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp	2	30	0	CN
55	7	002127	Quản lý dự trữ và kho hàng	2	30	0	CN
56	7	002272	Quản trị sản xuất tinh gọn	2	30	0	CN
57	7	003701	Thực tập vận hành QLCN	2	0	60	CN
58	8	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến (TPS)	2	30	0	CN
59	8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	CN
60	8	003697	Phát triển sản phẩm	2	30	0	CN
61	8	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	CN
62	8	00696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	CN

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
63	8	002895	Thực tập quản lý	4	0	120	CN
64	8	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng CD6	2	30	0	CN
65	8	004167	Thiết kế kho hàng	2	30	0	CN
66	9	004207	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	14	0	0	ĐA/KLTN
67	9	004215	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	CN
Tổng cộng				151			

9.2. Chuyên ngành Quản lý bảo dưỡng công nghiệp

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
1	1	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	20	CC
2	1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	KHCT
3	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	GDDC
4	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0	GDDC
5	1	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0	GDDC
6	1	003870	Giáo dục quốc phòng 1	2	30	0	CC
7	1	003871	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	CC
8	1	003872	Giáo dục quốc phòng 3	6	20	65	CC
9	1	003873	Giáo dục quốc phòng 4	1	10	10	CC
10	1	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	CC
11	1	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	CC
12	1	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	CC
13	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	KHCT
14	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0	GDDC
15	2	003629	Vẽ kỹ thuật 1	2	30	0	CSN
16	2	001893	Nhập môn tin học	3	39	12	GDDC
17	2	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	GDDC
18	2	003612	Vật lý	3	45	0	GDDC
19	3	001189	Kinh tế học đại cương	2	30	0	CSN
20	3	001286	Kỹ thuật điện đại cương	2	28	4	CSN
21	3	001359	Kỹ thuật nhiệt 1	2	30	0	CSN
22	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0	CSN
23	3	002742	Thực tập Điện cơ bản (D1)	1	0	30	CSN
24	3	003381	Toán kinh tế	3	45	0	CSN
25	3	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	GDDC
26	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	GDDC
27	4	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	Ngành
28	4	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	Ngành
29	4	003804	Kỹ thuật đo lường	2	27	6	CSN
30	4	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0	CSN
31	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	Ngành
32	4	002244	Quản trị học	3	45	0	CSN
33	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	
34	5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	GDDC
35	5	000504	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2	30	0	CN
36	5	000885	Hệ thống cung cấp năng lượng nhiệt	3	45	0	CN
37	5	003695	Kinh tế công nghiệp	2	30	0	CSN

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
38	5	002134	Quản lý logistics	2	30	0	CN
39	5	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	Ngành
40	5	003105	Thương mại điện tử*	2	30	0	CN
41	5	003702	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN1	2	30	0	CN
42	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	Ngành
43	6	000881	Hệ thống cung cấp điện	3	45	0	CN
44	6	002000	Phân tích và quản lý dự án	3	45	0	CN
45	6	002089	Quản lý chất lượng	2	30	0	CN
46	6	002302	Sản xuất sạch hơn	2	30	0	CN
47	6	002314	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	3	45	0	CN
48	6	003700	Thực tập nhận thức QLCN	2	0	60	CN
49	6	003703	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN2	2	30	0	CN
50	7	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	Ngành
51	7	001307	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	3	45	0	CN
52	7	002150	Quản lý mua hàng	2	30	0	CN
53	7	003802	Phương pháp 5S và Kaizen	2	30	0	CN
54	7	002086	Quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp	2	30	0	CN
55	7	002127	Quản lý dự trữ và kho hàng	2	30	0	CN
56	7	002272	Quản trị sản xuất tinh gọn	2	30	0	CN
57	7	003701	Thực tập vận hành QLCN	2	0	60	CN
58	8	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến (TPS)	2	30	0	CN
59	8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	CN
60	8	003697	Phát triển sản phẩm	2	30	0	CN
61	8	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	CN
62	8	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	CN
63	8	002895	Thực tập quản lý	4	0	120	CN
64	8	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng CD6	2	30	0	CN
65	8	004158	Lập kế hoạch và lịch trình bảo dưỡng CN	2	30	0	CN
66	9	004207	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	14	0	0	ĐA/KLTN
67	9	004215	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	CN
Tổng cộng				151			

9.3. Chuyên ngành Quản lý dự trữ và kho hàng

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
1	1	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	20	CC
2	1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	KHCT
3	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	GDDC
4	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0	GDDC
5	1	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0	GDDC
6	1	003870	Giáo dục quốc phòng 1	2	30	0	CC
7	1	003871	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	CC
8	1	003872	Giáo dục quốc phòng 3	6	20	65	CC

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
9	1	003873	Giáo dục quốc phòng 4	1	10	10	CC
10	1	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	CC
11	1	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	CC
12	1	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	CC
13	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	KHCT
14	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0	GDDC
15	2	003629	Vẽ kỹ thuật 1	2	30	0	CSN
16	2	001893	Nhập môn tin học	3	39	12	GDDC
17	2	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	GDDC
18	2	003612	Vật lý	3	45	0	GDDC
19	3	001189	Kinh tế học đại cương	2	30	0	CSN
20	3	001286	Kỹ thuật điện đại cương	2	28	4	CSN
21	3	001359	Kỹ thuật nhiệt 1	2	30	0	CSN
22	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0	CSN
23	3	002742	Thực tập Điện cơ bản (D1)	1	0	30	CSN
24	3	003381	Toán kinh tế	3	45	0	CSN
25	3	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	GDDC
26	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	GDDC
27	4	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	Ngành
28	4	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	Ngành
29	4	003804	Kỹ thuật đo lường	2	27	6	CSN
30	4	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0	CSN
31	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	Ngành
32	4	002244	Quản trị học	3	45	0	CSN
33	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	
34	5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	GDDC
35	5	000504	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2	30	0	CN
36	5	000885	Hệ thống cung cấp năng lượng nhiệt	3	45	0	CN
37	5	003695	Kinh tế công nghiệp	2	30	0	CSN
38	5	002134	Quản lý logistics	2	30	0	CN
39	5	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	Ngành
40	5	003105	Thương mại điện tử*	2	30	0	CN
41	5	003702	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN1	2	30	0	CN
42	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	Ngành
43	6	000881	Hệ thống cung cấp điện	3	45	0	CN
44	6	002000	Phân tích và quản lý dự án	3	45	0	CN
45	6	002089	Quản lý chất lượng	2	30	0	CN
46	6	002302	Sản xuất sạch hơn	2	30	0	CN
47	6	002314	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	3	45	0	CN
48	6	003700	Thực tập nhận thức QLCN	2	0	60	CN
49	6	003703	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN2	2	30	0	CN
50	7	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	Ngành
51	7	001307	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	3	45	0	CN
52	7	002150	Quản lý mua hàng	2	30	0	CN
53	7	003802	Phương pháp 5S và Kaizen	2	30	0	CN

TT	Kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức
54	7	002086	Quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp	2	30	0	CN
55	7	002127	Quản lý dự trữ và kho hàng	2	30	0	CN
56	7	002272	Quản trị sản xuất tinh gọn	2	30	0	CN
57	7	003701	Thực tập vận hành QLCN	2	0	60	CN
58	8	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến (TPS)	2	30	0	CN
59	8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	CN
60	8	003697	Phát triển sản phẩm	2	30	0	CN
61	8	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	CN
62	8	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	CN
63	8	002895	Thực tập quản lý	4	0	120	CN
64	8	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng CD6	2	30	0	CN
65	8	004167	Thiết kế kho hàng	2	30	0	CN
66	9	004207	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	14	0	0	ĐA/KLTN
67	9	004215	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	CN
Tổng cộng				151			

10. Mô tả các học phần

10.1. Triết học Mác – Lê nin

Mã môn học: 003923 TC: 03

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

10.2. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin

Mã môn học: 003925 TC: 02

Trang bị cho sinh viên những tri thức cốt lõi, cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

10.3. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mã môn học: 003928 TC: 02

Thông qua các sự kiện và sự đúc kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao tư tưởng, lòng tự hào, niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng trong lịch sử và hiện tại.

10.4. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: 003926 TC: 02

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

10.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505 TC: 02

Trang bị cho sinh viên nội dung cơ bản của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam được thể hiện trong đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng

10.6. Nhập môn tin học

Mã môn học: 001893 TC: 03

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính, tư duy chung về thuật toán, các vấn đề cơ bản nhất của ngôn ngữ lập trình C như: cấu trúc chương trình C, các dạng cấu trúc điều khiển

10.7. Toán cao cấp 1

Mã môn học: 003360

TC: 02

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính như: không gian véc-tơ, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, định thức... Môn học không đi sâu vào việc chứng minh các định lý mà chú trọng vào việc ứng dụng của ma trận và làm nền cho các môn học khác

10.8. Toán cao cấp 2

Mã môn học: 003366

TC: 02

Trang bị kiến thức về giới hạn hàm số, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến, các phương pháp tính tích phân xác định, tích phân suy rộng hàm một biến số

10.9. Vật lý

Mã môn học: 003612

TC: 03

Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ học cổ điển. Phần nhiệt học cung cấp kiến thức về chuyển động nhiệt của các phân tử, các nguyên lý nhiệt động lực học. Phần điện giới thiệu những đặc trưng cơ bản

10.10. Vẽ kỹ thuật 1

Mã môn học: 003629

TC: 02

Trang bị kiến thức về cách lập và đọc bản vẽ kỹ thuật. Hướng dẫn sử dụng phần mềm để lập bản vẽ

10.11. Xác suất thống kê

Mã môn học: 003657

TC: 02

Trang bị kiến thức về cách lập và đọc bản vẽ kỹ thuật. Hướng dẫn sử dụng phần mềm để lập bản vẽ

10.12. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 003137

TC: 04

Cung cấp kiến thức Anh văn cho sinh viên ở trình độ B: Cung cấp vốn từ vựng khoảng 1500 từ và chương trình ngữ pháp trình độ B. Các thì hiện tại đơn giản, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn giản, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành

10.13. Tiếng Anh 2

Mã môn học: 003144

TC: 03

Cung cấp kiến thức Anh văn cho sinh viên ở trình độ B: Cung cấp vốn từ vựng khoảng 2000 -3000 từ và chương trình ngữ pháp trình độ B. Các thì tương lai gần, tương lai đơn giản, thì quá khứ hoàn thành, thể bị động

10.14. Kinh tế học đại cương

Mã môn học: 001189

TC: 02

Cung cấp kiến thức về cung, cầu, thị trường; quyết định sản xuất; quyết định tiêu dùng; các chính sách kinh tế vĩ mô điều tiết nền kinh tế và mối tương tác giữa các biến kinh tế vĩ mô.

10.15. Kỹ thuật nhiệt 1

Mã môn học: 001359

TC: 02

Cung cấp các kiến thức về quy luật biến đổi năng lượng (chủ yếu là quy luật biến đổi giữa nhiệt năng và cơ năng) và quy luật truyền nhiệt trong các vật nói chung và trong các thiết bị nhiệt nói riêng

10.16. Kỹ thuật điện đại cương

Mã môn học: 001286

TC: 02

Cung cấp cho sinh viên không phải chuyên ngành điện các kiến thức cơ bản về mạch điện, đo lường các đại lượng điện, một số loại máy điện.

10.17. Quản trị học

Mã môn học: 002244

TC: 03

Cung cấp các nội dung kiến thức bao gồm: Các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của quản trị; thông tin và ra quyết định trong quản trị; các chức năng quản trị (Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra); lý thuyết về tổ chức và hành vi của tổ chức

10.18. Toán kinh tế

Mã môn học: 001189

TC: 03

Cung cấp các bước lập mô hình bài toán tối ưu; Áp dụng các thuật toán để giải các bài toán tối ưu trong lĩnh vực quản lý năng lượng;

10.19. Kế toán quản trị và chi phí

Mã môn học: 001051

TC: 02

Cung cấp các kỹ năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị, đồng thời có khả năng đưa ra các quyết định phục vụ cho hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định

10.20. *Marketing căn bản* Mã môn học: 001671 TC: 02

Cung cấp những kiến thức cơ bản về Marketing, tầm quan trọng của Marketing trong doanh nghiệp, hiểu về lý thuyết và cách vận dụng các quan điểm quản trị Marketing và các công cụ Marketing hỗn hợp (Marketing mix- Marketing 4P) vào lĩnh vực hoạt động marketing trong doanh nghiệp

10.21. *Quản lý chiến lược* Mã môn học: 002106 TC: 02

Cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạch định chiến lược ở cấp công ty và đơn vị kinh doanh, các biện pháp đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong tổ chức

10.22. *Kinh tế lượng* Mã môn học: 003783 TC: 03

Cung cấp kiến thức về phương pháp phân tích định lượng và kỹ năng ứng dụng các phương pháp phân tích định lượng vào phân tích mối quan hệ giữa các biến số kinh tế. Thực hiện các bài toán ước lượng, kiểm định, dự báo cho các biến số kinh tế, mối quan hệ giữa các biến số kinh tế

10.23. *Kỹ thuật đo lường* Mã môn học: 003804 TC: 02

Cung cấp kiến thức về các kỹ thuật đo, sử dụng các thiết bị đo trong hệ thống sản xuất cũng như trong phòng thí nghiệm

10.24. *Quản lý nguồn nhân lực* Mã môn học: 002168 TC: 02

Cung cấp kiến thức về sự phối hợp tổng thể các hoạt động hoạch định, tuyển dụng, tuyển chọn,... nhằm đạt mục tiêu chiến lược và định hướng cho tổ chức.

10.25. *Quản lý tài chính* Mã môn học: 002208 TC: 03

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Các vấn đề căn bản trong quản trị tài chính, mô hình dòng tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro, chi phí sử dụng vốn và cơ cấu vốn trong doanh nghiệp, đòn bẩy tài chính, phân tích và quyết định đầu tư.

10.26. *Định mức kinh tế kỹ thuật* Mã môn học: 000504 TC: 02

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, hệ thống mức, tiêu chuẩn hao phí nguyên vật liệu và phương pháp định mức tiêu dùng nguyên vật liệu

10.27. *Hệ thống cung cấp năng lượng nhiệt* Mã môn học: 000885 TC: 03

Trang bị cho người học những kiến thức quan trọng về các hệ thống cung cấp nhiệt, về hệ thống cung cấp nhiệt kết hợp với sản xuất điện. Từ đó giúp người học có thể tính toán thiết kế, kiểm tra, đánh giá trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng nhiệt và đưa ra các giải pháp kỹ thuật - công nghệ phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh tế, môi trường

10.28. *Kinh tế công nghiệp* Mã môn học: 003695 TC: 02

Trang bị cho sinh viên kiến thức kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp công nghiệp. Ứng dụng được các mô hình kinh tế để nghiên cứu cấu trúc tổ chức, hiệu quả thị trường, chiến lược tương tác và các chính sách công nghiệp.

10.29. *Quản lý Logistics* Mã môn học: 002134 TC: 02

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, về Quản trị logistics; có khả năng quản trị các hoạt động logistics tại Doanh nghiệp.

10.30. *Quản lý tác nghiệp* Mã môn học: 002199 TC: 03

Cung cấp cho sinh viên: Hệ thống sản xuất của doanh nghiệp; Phương pháp phân tích đánh giá kết quả sản xuất; Xây dựng chiến lược sản xuất; Lập kế hoạch sản xuất và chỉ đạo thực hiện kế hoạch; Quản lý kho hàng và Tổ chức phục vụ quá trình sản xuất; quản trị sản xuất và dịch vụ, ứng dụng kỹ thuật tin học trong quản lý sản xuất tác nghiệp

10.31. *Thương mại điện tử* Mã môn học: 003105 TC: 02

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử dưới góc độ kinh tế: Lợi ích, nền tảng, các hình thức ứng dụng cũng như xu hướng phát triển. Đồng thời, giới thiệu các vấn đề hình thức hoạt động, hình thức giao dịch, hạ tầng phát triển, thanh toán điện tử...để từ đó, sinh viên nắm được bức tranh toàn cảnh về thương mại điện tử, vận dụng vào thực tế để đưa ra các giải pháp kinh doanh thương mại.

10.32. *Tiếng Anh chuyên ngành QLCN I* Mã môn học: 003702 TC: 02

Nắm được vốn từ vựng ngành quản lý công nghiệp; Đọc tài liệu, dịch và tóm tắt các bài đọc ngành quản lý công nghiệp

10.33. *Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế* Mã môn học: 003786 TC: 02

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, tổng quan ứng dụng Excel trong quản lý doanh nghiệp về kinh tế & quản lý. Nắm được kiến thức cơ bản về Excel: lọc, sắp xếp, tìm kiếm và tổ chức dữ liệu; cách vẽ các đồ thị, biểu đồ; cách sử dụng các hàm thống kê, tài chính; sử dụng tính năng phân tích dữ liệu trong Excel.

10.34. *Hệ thống cung cấp điện* Mã môn học: 000881 TC: 03

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống điện; các chỉ tiêu về chất lượng điện năng và độ tin cậy; cách tính toán chế độ xác lập; tính tổn thất điện năng; các phương pháp chọn tiết diện dây dẫn.

10.35. *Phân tích và quản lý dự án* Mã môn học: 002000 TC: 03

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, phương pháp phân tích kinh tế, tài chính và quản lý dự án đầu tư, hỗ trợ kiến thức để học các học phần khác. Kỹ năng tính toán phân tích hiệu quả kinh tế tài chính và quản lý dự án đầu tư

10.36. *Quản lý chất lượng* Mã môn học: 002089 TC: 02

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản bao gồm: Những vấn đề cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng TQM, các công cụ trong quản lý chất lượng, các phương pháp cải tiến chất lượng, các phương pháp nâng cao chất lượng thiết kế, hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn ISO

10.37. *Sản xuất sạch hơn* Mã môn học: 002302 TC: 02

Sinh viên hiểu được ý nghĩa của sản xuất sạch hơn, các phương thức áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất.

10.38. *Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả*

Mã môn học: 002314 TC: 03

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Các phương pháp định mức tiêu hao năng lượng; Các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong hệ thống thiết bị nhiệt, điện và quản lý nhu cầu.

10.39. *Tiếng anh chuyên ngành QLCN 2* Mã môn học: 003703 TC: 02

Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành sâu liên quan đến từ vựng, thuật ngữ, ngữ pháp liên quan trong lĩnh vực quản lý công nghiệp

10.40. *Hệ thống thông tin quản lý* Mã môn học: 000962 TC: 02

Có kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và ra quyết định; có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về hệ thống thông tin quản lý: lập kế hoạch, phát triển, khai thác, bảo trì các hệ thống thông tin và quản trị các nguồn lực thông tin trong tổ chức.

10.41. *Lập kế hoạch và điều độ sản xuất* Mã môn học: 001307 TC: 03

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm cơ bản, các kinh nghiệm thực tiễn trong công tác điều độ trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ; rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng quản lý và điều hành công việc điều độ trong công việc thực tế. Sinh viên có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp.

10.42. *Quản lý mua hàng* Mã môn học: 002150 TC: 02

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản lý quan hệ mua hàng và tìm nguồn cung ứng

10.43. *Phương pháp 5S và Kaizen* Mã môn học: 003802 TC: 02

Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng ứng dụng mới 5S và cải tiến sản xuất Kaizen theo quan điểm hiện đại Nhật Bản.

10.44. *Quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp* Mã môn học: 002086 TC: 02

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo dưỡng công nghiệp. Có khả năng đánh giá độ tin cậy thiết bị, lên được các kế hoạch bảo dưỡng thiết bị. Ngoài ra, có thể hiểu và ứng dụng được các mô hình bảo dưỡng công nghiệp tiên tiến vào doanh nghiệp.

10.45. *Quản lý dự trữ và kho hàng* Mã môn học: 002127 TC: 02

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản trong hoạt động dự trữ và quản lý kho hàng của doanh nghiệp. Sử dụng được các công cụ, kỹ thuật phù hợp để tính toán mức dự trữ tối ưu. Thiết kế được kho hàng và quản lý kho hàng hiệu quả.

10.46. *Quản trị sản xuất tinh gọn* Mã môn học: 002272 TC: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về các quá trình sản xuất, các mô hình quá trình sản xuất, các khái niệm và nguyên tắc chung của hệ thống sản xuất tinh gọn Lean.

10.47. *Mô phỏng hệ thống* Mã môn học: 001728 TC: 03

Môn học trang bị năng hiểu và áp dụng các phương pháp mô phỏng dựa vào máy tính để mô phỏng các hệ thống sản xuất khác nhau.

10.48. *Phát triển sản phẩm* Mã môn học: 003697 TC: 02

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức mới về quy trình phát triển sản phẩm mới dựa trên nhu phân tích và đánh giá nhu cầu của khách hàng và thị trường. Đảm bảo sản phẩm được đưa ra thị trường một cách nhanh chóng, có hiệu quả và tính kinh tế. Sử dụng được các kỹ thuật, quy trình trong từng giai đoạn của quá trình phát triển sản phẩm.

10.49. *Quản lý công nghệ* Mã môn học: 002113 TC: 02

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công nghệ và quản trị công nghệ trong hoạt động kinh doanh; nắm được các nội dung cơ bản của quá trình quản trị công nghệ trong doanh nghiệp; bước đầu có khả năng ứng dụng kiến thức vào việc phân tích và đưa ra các giải pháp về công nghệ trong doanh nghiệp.

10.50. *Xây dựng mô hình QLNL* Mã môn học: 003661 TC: 02

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng hệ thống quản lý năng lượng trong một doanh nghiệp. Thiết lập các nội dung trong hệ thống quản lý, các chỉ tiêu quản lý, vận hành, giám sát và cải tiến liên tục trong hệ thống quản lý năng lượng.

10.51. *Phân tích hệ thống sản xuất* Mã môn học: 003696 TC: 02

Môn học giúp sinh viên hiểu được quy trình và phương pháp để phân tích một hệ thống sản xuất từ đó đưa ra các quyết định cho hệ thống sản xuất.

10.52. *Hệ thống QLSX tiên tiến* Mã môn học: 003694 TC: 02

Trang bị cho sinh viên những kiến thức mới về các hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến đang được áp dụng tại các doanh nghiệp trên thế giới.

10.53. *Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM*

Mã môn học: 003693 TC: 02

Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp, nguyên tắc và công cụ quản lý chất lượng hiện đại.

10.54. *Tổ chức lao động* Mã môn học: 004165 TC: 02

Môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và có hệ thống về cả lý luận và các vấn đề thực tiễn về tổ chức của các doanh nghiệp ở Việt Nam, giúp người học có thể nắm được các kiến thức và kỹ năng cần thiết về tổ chức lao động.

10.55. *Phương pháp quản lý SixSigma* Mã môn học: 004162 TC: 02

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cách thức áp dụng về phương pháp quản lý six sigma nhằm cải tiến các quy trình hạn chế các khuyết tật trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời, môn học cung cấp các kỹ năng nhận diện các tác nhân gây ra lỗi, đưa ra giải pháp để giải quyết vấn đề.

10.56. *Lập kế hoạch và lịch trình bảo dưỡng công nghiệp*

Mã môn học: 004158 TC: 02

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công tác lập kế hoạch và lập lịch trình bảo dưỡng công nghiệp, giúp sinh viên hiểu và thực hiện được qui trình lập kế hoạch và lập lịch trình bảo dưỡng công nghiệp. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ hỗ trợ cơ bản cho hoạt động lập kế hoạch và lập lịch trình bảo dưỡng công nghiệp.

10.57. *Duy trì năng suất tổng thể - TPM* Mã môn học: 004157 TC: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về duy trì hiệu suất tổng thể nhằm đảm bảo hiệu quả thiết bị, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và môi trường làm việc an toàn. Đồng thời cung cấp kỹ năng nhận diện các lãng phí trong sản xuất liên quan đến thiết bị, các trụ cột TPM, các cách thức cơ bản để triển khai áp dụng trong thực tế.

10.58. *An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp* Mã môn học: 000017 TC: 02

Cung cấp kiến thức cơ bản về công tác bảo hộ lao động trong các ngành công nghiệp; cơ sở luật pháp và các chính sách bảo hộ lao động; kỹ thuật an toàn trong lao động và sản xuất; cấp cứu tai nạn lao động và các kỹ năng đảm bảo vệ sinh môi trường làm việc trong các ngành công nghiệp.

10.59. *Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị cơ khí* Mã môn học: 004159 TC: 02

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bảo dưỡng thiết bị cơ khí, công tác lập lịch trình bảo dưỡng cơ khí, giúp sinh viên hiểu biết các bảo dưỡng cơ khí cơ bản, các sự cố thường gặp của các thiết bị cơ khí và lập lịch trình bảo trì. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ hỗ trợ cơ bản để lập lịch trình bảo dưỡng cơ khí.

10.60. *Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị điện* Mã môn học : 004160 TC: 02

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bảo dưỡng thiết bị điện, công tác lập lịch trình bảo dưỡng điện, giúp sinh viên hiểu biết và có kỹ năng lập lịch trình bảo trì bảo dưỡng cho các thiết bị điện. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ hỗ trợ cơ bản để lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị điện.

10.61. *Thiết kế kho hàng* Mã môn học : 004167 TC: 02

Học phần thiết kế kho hàng cung cấp cho người học các phương pháp thiết kế một số loại kho hàng cơ bản. Tính toán được các thông số của kho hàng để phục vụ thiết kế kho như mặt bằng, không gian, khoảng cách; tính toán năng lực lưu trữ; tính toán tối ưu dòng di chuyển trong kho...

10.62. *Vận tải và giao nhận hàng hóa* Mã môn học : 004170 TC: 02

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức về các đặc điểm của các phương thức vận tải hàng hóa và thủ tục giao nhận của các phương thức vận tải trong hoạt động ngoại thương.

10.63. *Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối* Mã môn học: 003890 TC: 02

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản trong quản lý kho hàng và trung tâm phân phối. Sử dụng được các công cụ, kỹ thuật phù hợp để tính toán mức dự trữ tối ưu, thiết kế và quản lý kho hàng và trung tâm phân phối hiệu quả.

10.64. *Hệ thống xếp dỡ hàng hóa* Mã môn học : 003353 TC: 02

Nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp xếp dỡ các loại hàng hóa phục vụ cho công tác vận tải.

10.65. *Thực tập điện cơ bản* Mã môn học: 002742 TC: 01

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức để thiết kế hệ thống chiếu sáng cho hộ gia đình đảm bảo tính kinh tế, kỹ thuật, an toàn. Cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật lắp đặt được các mạch điện cơ bản trên panel; đấu điện chạy đúng chiều đảm bảo tốc độ; lắp đặt được mạch điện máy bơm nước nhà tầng đảm bảo đúng nguyên lý bơm, dừng khi cần thiết; Tháo, lắp, bảo dưỡng được công tắc tơ đảm bảo chất lượng tốt.

10.66. *Thực tập nhận thức QLCN* Mã môn học: 003700 TC: 02

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về cách thức mà một tổ chức sản xuất công nghiệp vận hành sản xuất trong thực tế.

10.67. *Thực tập vận hành QLCN* Mã môn học: 003701 TC: 03

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhà máy sản xuất trong công nghiệp, nguyên lý vận hành và quản lý các nhà máy sản xuất công nghiệp.

10.68. *Thực tập quản lý* Mã môn học: 002895 TC: 04

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các hoạt động quản lý sản xuất công nghiệp trong doanh nghiệp. Biết được cách thức vận hành, quản lý và phân tích cải tiến các hệ thống quản lý công nghiệp trong doanh nghiệp.

11. Bảng kiểm đánh giá năng lực người học

- Bảng kiểm năng lực cần được đưa vào sử dụng để thực hiện đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp.

- Bảng kiểm năng lực có thể được áp dụng tại các thời điểm khác nhau để đánh giá trong suốt quá trình theo học chương trình.

- Sinh viên năm thứ 3 trở đi có thể sử dụng Bảng kiểm để tự đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp có năng lực như kỳ vọng.

- Khoa có thể sử dụng kết quả đánh giá từ bảng kiểm năng lực để rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với CĐR của chương trình và môn học đã tuyên bố và yêu cầu của người học và xã hội.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC
(4 cấp bậc đánh giá: 1. D-TB yếu; 2. C-TB khá; 3. B-Khá; 4. A- giỏi)

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG - 32 TC																						
1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	3	3															
2	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0		3															
3	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0		3															
5	001893	Nhập môn tin học	3	45	0		3															
6	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	3	3															
7	003612	Vật lý	3	45	0	3	3															
8	003629	Vẽ kỹ thuật 1	2	30	0	3	3					3							3			
9	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	3	3															
10	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0										3							
11	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	3	3															
12	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0										3							
13	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	3	3															
14	003657	Xác suất thống kê	2	30	0		3															
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																						
CƠ SỞ NGÀNH																						
1	001189	Kinh tế học đại cương	2	30	0		3					3	3	3					3			
2	001359	Kỹ thuật nhiệt 1	2	30	0		3	3	3				3									3
3	001286	Kỹ thuật điện đại cương	2	28	2	3	3	3				3										
4	002244	Quản trị học	3	45	0	3							3						3			
5	003381	Toán kinh tế	3	45	0	3	3			3		3			3					3		
6	003105	Thương mại điện tử	2	30	0	3	3	3	3						3							
7	003695	Kinh tế công nghiệp	2	30	0	3	3					3	3						3	3		
8	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	3	3					3	3									
9	002168	Quản lý nguồn nhân lực	2	30	0	3				3		3							3		3	3
10	001019	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	3	3								3							3

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
11	001671	Marketing căn bản	2	30	0				3			3			3					3		
12	002742	Thực tập Điện cơ bản (D1)	1	0	0	3						3	3						3	3	3	3
13	003804	Kỹ thuật đo lường	2	27	6			3	3	3							3			3		
NGÀNH																						
1	000885	Hệ thống cung cấp NL nhiệt	3	45	0																	
2	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	2								3								
3	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	3				3			3						3		3	3
4	002134	Quản lý Logistics	2	30	0																	
5	003702	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN 1	2	30	0	3									3	3						
6	000504	Định mức kinh tế kỹ thuật	2	30	0	3	3		3								3		3			
7	002089	Quản lý chất lượng	2	30	0	3				3			3						3		3	3
8	000881	Hệ thống cung cấp điện	3	45	0	3			3	3			3				3			3		
9	002000	Phân tích và quản lý dự án	3	45	0																	
10	002314	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	3	45	0	3	3		3	3		3	3	3	3		3	3	3	3		
11	003703	Tiếng Anh chuyên ngành QLNL 2	2	30	0	4									3	4						
12	002302	Sản xuất sạch hơn	2	30	0	3	3	3	3		3	3	3	3			3			3	3	
13	001307	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất	3	45	0	3			3	3	3		3		3		3					3
14	002127	Quản lý dự trữ và kho hàng	2	30	0	4			3		3		3	3	3		3					3
15	002086	Quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp	2	30	0																	
16	002272	Quản trị sản xuất tinh gọn	2	30	0	3				4	4	4	4	4				3	3	3	3	
17	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	3			3				3		3		3					3
18	003697	Phát triển sản phẩm	2	30	0	3	3						3				3				3	
19	002150	Quản lý mua hàng	2	30	0	3				3		3			3		3			3		3
20	003802	Phương pháp 5S và Kaizen	2	30	0	3			3	3	3	3		3	3			3				

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4
21	003700	Thực tập nhận thức QLCN	2	30	0	3									3		3		4	3	3	3
22	003701	Thực tập vận hành QLCN	3	45	0	3									4		3		4	3	3	3
23	002895	Thực tập quản lý	4	0	120	3									3		3		4	3	3	3
CHUYÊN NGÀNH + Thực tập, đồ án																						
QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ TÁC NGHIỆP																						
1	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	3					3		3	3			3				3	
2	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến	2	30	0																	
3	004165	Tổ chức lao động – Chưa chọn	2	30	0	3				3		3			3							
4	004162	Phương pháp quản lý 6 Sigma – Chưa chọn	2	30	0	3			3		3	3							3		3	3
5	003693	Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM – Chưa chọn	2	30	0	3	3					3	3						3	3	3	3
6	004167	Thiết kế kho hàng	2	30	0	3					3	3			3		3					3
7	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	3	3	3					3						3			3
8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	3	3		3			3									3	
9	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng	2	30	0	3	3	3	3			3	3									3
10	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	3	3	3				3								3	3	
11	003022	Thực tập tốt nghiệp	5	0	120	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
12	003794	Đồ án tốt nghiệp	14	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
QUẢN LÝ BẢO DƯỠNG CÔNG NGHIỆP																						
1	004158	Lập kế hoạch và lịch trình bảo dưỡng công nghiệp	2	30	0	3				3				3				3			3	
2	004157	Duy trì năng suất tổng thể - TPM – Chưa chọn	2	30	0	3	3				3							3				3
3	000017	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp – Chưa chọn	2	30	0																	
4	004159	Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị cơ khí – Chưa chọn	2	30	0	3				3				3				3			3	

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM				
						KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TN1	TN2	TN3	TN4	
5	004160	Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị điện – Chưa chọn	2	30	0	3				3				3			3				3		
6	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	3					3		3	3			3				3		
7	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến	2	30	0																		
8	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	3	3	3					3						3			3	
9	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	3	3		3			3									3		
10	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng	2	30	0	3	3	3	3			3	3									3	
11	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	3	3	3				3								3	3		
12	003022	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
13	003794	Đồ án tốt nghiệp	10	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
QUẢN LÝ DỰ TRỮ VÀ KHO HÀNG																							
1	004167	Thiết kế kho hàng	2	30	0	3					3	3			3		3					3	
2	003890	Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối – Chưa chọn	2	30	0	3			3	3		3							3		3		
3	003353	Hệ thống xếp dỡ hàng hóa – Chưa chọn	2	30	0	3			3			3		3	3		3				3		
4	004170	Vận tải và giao nhận hàng hóa – Chưa chọn	2	30	0					3		3	3				3		3	3	3	3	
5	003696	Phân tích hệ thống sản xuất	2	30	0	3					3			3	3			3			3		
6	003694	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến	2	30	0																		
7	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	3	3	3					3						3			3	
8	001728	Mô phỏng hệ thống	3	45	0	3	3		3			3									3		
9	003661	Xây dựng mô hình quản lý năng lượng	2	30	0	3	3	3	3			3	3									3	
10	002113	Quản lý công nghệ	2	30	0	3	3	3				3								3	3		
11	003022	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
12	003794	Đồ án tốt nghiệp	10	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	

12. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

12.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
1	Trịnh Văn Toàn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	2007, ĐHĐL	Triết học Mác – Lênin
2	Trần Thị Hoa Lý	Thạc sĩ, Việt Nam	Kinh tế chính trị	2016, ĐHĐL	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
3	Cao Thu Trà	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Lịch sử	2007, ĐHĐL	Lịch sử Đảng CS Việt nam
4	Trịnh Văn Toàn	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	2007, ĐHĐL	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Cao Thu Trà	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Lịch sử	2007, ĐHĐL	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Phạm Thị Thu Thủy	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật	2005, ĐHĐL	Pháp Luật đại cương
7	Nguyễn Thị Bích Liên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Tiếng Anh	1999, ĐHĐL	Tiếng Anh 1
8	Trần Thị Thanh Phương	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý giáo dục; Tiếng Anh	1997, ĐHĐL	Tiếng Anh 2
9	Nguyễn Hữu Quỳnh	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	CNTT	1999, ĐHĐL	Nhập môn tin học
10	Nguyễn Minh Khoa	Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Toán học	2010, ĐHĐL	Toán cao cấp 1
11	Phan Thị Tuyết	Thạc sĩ, Việt Nam	Toán học	2016, ĐHĐL	Toán cao cấp 2
12	Đặng Thị Lê Na	Thạc sĩ, Việt Nam	Vật lý	2007, ĐHĐL	Vật lý
13	Nguyễn Việt Hưng	Thạc sĩ, Việt Nam	Cơ khí CTM	2000, ĐHĐL	Vẽ kỹ thuật 1
14	Nguyễn Như Quân	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Lý thuyết xác suất TK	2007, ĐHĐL	Xác suất thống kê
15	Nguyễn Thúy Ninh	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý năng lượng	2013, ĐHĐL	Phương pháp 5S và Kaizen, Tổ chức lao động, Phương pháp 6Sigma, TPM
16	Nguyễn Quốc Uy	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	CNKT năng lượng	2011, ĐHĐL	Kỹ thuật nhiệt 1
17	Lê Xuân Sanh	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2012	Điều khiển KT điện	2013, ĐHĐL	Kỹ thuật điện đại cương

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
18	Trương Thị Thu Hường	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	2011, ĐHĐL	Quản trị học
19	Nguyễn Thị Lê Na	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế năng lượng	2005, ĐHĐL	Toán kinh tế; Sử dụng NL TK&HQ; Quản trị sản xuất tinh gọn
20	Nguyễn Thị Kim Chi	Thạc sĩ, Việt Nam,	QTKD		Kế toán quản trị và chi phí
21	Nguyễn Thị Lê	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	QTKD	2011, ĐHĐL	Kinh tế học đại cương; Giao nhận hàng hóa
22	Nguyễn Thị Kim Duyên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	2012, ĐHĐL	Kinh tế lượng; Thực tập vận hành
23	Nguyễn Ngọc Thía	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản trị kinh doanh	2009, ĐHĐL	Quản lý chất lượng, Quản lý công nghệ
24	Dương Văn Hùng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	2012, ĐHĐL	Quản lý tác nghiệp
25	Nguyễn Thị Thanh Dân	Tiến sĩ, Việt Nam,	Quản trị kinh doanh	2014, ĐHĐL	Quản lý nguồn nhân lực
26	Ngô Trọng Tuấn	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	2013, ĐHĐL	Quản lý chiến lược
27	Nguyễn Thị Như Vân	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	2006, ĐHĐL	Mô phỏng hệ thống, Kinh tế công nghiệp, Tiếng Anh QLCN, Kinh tế lượng
28	Nguyễn Duy Thiện	Thạc sĩ, Việt Nam	Cơ học ứng dụng	2005, ĐHĐL	Hệ thống cung cấp NL nhiệt
29	Phạm Quốc Huân	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Tài chính	2008, ĐHĐL	Quản lý tài chính
30	Nguyễn Văn Hải	Tiến sĩ, Pháp, 2010	KT điện	2017, ĐHĐL	HTCC điện; Đồ án HTCC điện

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
31	N.Đ Tuấn Phong	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	QTKD	2006, ĐHĐL	Phân tích hệ thống sản xuất, Quản lý bảo dưỡng trong CN, Hệ thống QLSX tiên tiến
32	Nguyễn Anh Hoa	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Tự động hóa	2002, ĐHĐL	Kỹ thuật đo lường điện
33	Đàm Khánh Linh	Tiến sĩ, Ý, 2015	KT điện	2008, ĐHĐL	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN 1; 2;
34	Ngô Ánh Tuyết	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế năng lượng	2005, ĐHĐL	Phát triển sản phẩm; Lập KH và lịch trình bảo dưỡng CN; Phân tích và quản lý dự án.
35	Trần Hồng Nguyên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh tế NL	2012, ĐHĐL	Tiếng Anh chuyên ngành QLCN, Phân tích và quản lý dự án
36	Dương Trung Kiên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế	2005, ĐHĐL	Định mức kinh tế kỹ thuật, Xây dựng mô hình QLNL, sử dụng NL tiết kiệm và hiệu quả
37	Nguyễn Đạt Minh	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	2018, ĐHĐL	Lập KH và điều độ SX, Quản lý dự trữ và kho hàng, Thiết kế kho hàng, Quản lý chất lượng toàn diện TQM
38	Đỗ Hữu Ché	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	2011, ĐHĐL	Phân tích và quản lý dự án, sử dụng NL tiết kiệm và hiệu quả, Quản lý mua sắm, Lập kế hoạch và điều độ SX
39	Đỗ Thị Loan	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế NL	2008, ĐHĐL	Quản lý Logistics; Vận tải và giao nhận hàng hóa; Hệ thống xếp dỡ hàng hóa
40	Phạm Thúy An	Thạc sĩ, Bỉ	Quản lý công nghiệp	2019	Kinh tế công nghiệp; Tiếng Anh QLCN

12.2. Cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ GIẢNG DẠY

TT	Loại phòng học (<i>Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...</i>)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng học	106	14.629				
2	Phòng máy tính		875	Máy tính	218		
3	Phòng học ngoại ngữ	0	0				
4	Hội trường	2	292				
5	Thư viện	1	1.176	Sách	4.448		

THƯ VIỆN

- Diện tích thư viện: CS1: 874,8 m ² ; CS2: 210m ²	- Diện tích phòng đọc: 700 m ²
- Số chỗ ngồi: 300	- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: LIBOL	
- Thư viện điện tử: IEEE, ACM, Science Direct, Proquest	- Số lượng sách: 38.931 cuốn

DANH MỤC GIÁO TRÌNH DÙNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Năm XB	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Quy hoạch toán học	Bùi Minh Trí	2006	NXB Khoa học và Kỹ thuật	Toán kinh tế
2	Mạng lưới điện	Nguyễn Văn Đạm	2001	NXB Khoa học và Kỹ thuật	Hệ thống cung cấp điện
3	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	Nguyễn Văn Hồng & Nguyễn Văn Thoan	2013	NXB Bách Khoa	Thương mại điện tử
4	Giáo trình Kế toán quản trị	Nguyễn Ngọc Quang	-	NXB ĐH kinh tế quốc dân	Kế toán quản trị và chi phí
5	Quản Trị Học	Nguyễn Hải Sản	2011	NXB Thống kê	Quản trị học
6	Giáo trình môn học Kinh tế lượng	Trương Huy Hoàng	2014	Hội Điện lực Việt Nam.	Kinh tế lượng
7	Kinh tế học đại cương	Trần Thị Lan Hương	2011	NXB Giáo dục Việt Nam	Kinh tế học đại cương
8	Tài liệu đào tạo Người Quản lý năng lượng	Bộ Công Thương	2010	NXB Giao thông vận tải	Người quản lý năng lượng
9	Giáo trình Định mức kinh tế kỹ thuật	Đặng Đình Đào, Trần Chí Thành, Nguyễn Xuân Quang	2006	NXB ĐH kinh tế quốc dân	Định mức kinh tế kỹ thuật
10	Giáo trình quản trị hậu cần	Lê Công Hoa	2012	NXB ĐH kinh tế quốc dân	Quản lý Logistics
11	Maintenance Planning and Scheduling Handbook,	Richard D. Palmer	2006	McGraw-Hill	Lập KH và lịch trình bảo dưỡng công nghiệp
12	Bảo trì công nghiệp	Phạm Ngọc Tuấn	2017	NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Lập KH và lịch trình bảo dưỡng công nghiệp
13	Giáo trình bảo dưỡng và bảo trì thiết bị cơ khí,	Nguyễn Công Cát	2005	NXB Lao động Xã hội – 2005	Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị cơ khí
14	Industrial maintenance-mechanical systems,	Lionel Owen	2005		Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị cơ khí
15	Maintenance Scheduling for Electrical Equipment,	Gary D. Osburn	2005	Colorado	Lập lịch trình bảo dưỡng thiết bị điện
16	Duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể TPM - Nội dung cơ bản và hướng dẫn áp dụng	Viện Năng suất	2018	NXB Hồng Đức	Duy trì năng suất tổng thể - TPM

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Năm XB	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/học phần
17	Kaizen definition & principles in Brief.	Thessaloniki	2006	-	Phương pháp 5S và Kaizen
18	Quản trị sản xuất tinh gọn	Phan Chí Anh	2015	NXB ĐHQG Hà Nội.	Phương pháp 5S và Kaizen
19	6 Sigma – Nội dung cơ bản và hướng dẫn áp dụng	Viện năng suất Việt Nam	2018	NXB Hồng Đức, 2018	Phương pháp quản lý 6 sigma
20	Tổ chức và định mức lao động	Vũ Thị Mai	-	NXB Trường đại học kinh tế quốc dân	Tổ chức lao động
21	Phương pháp sản xuất Lean: Lý thuyết và một số nghiên cứu tại Việt Nam	Nguyễn Đạt Minh	2018	NXB Công thương	Quản trị sản xuất tinh gọn
22	The Toyota Way	Liker	2006	Esensi	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến
23	Phương thức Toyota – dịch giải Tô Hải Triều	Liker	2006	NXB Kinh tế quốc dân	Hệ thống quản lý sản xuất tiên tiến
24	Quản lý bảo trì công nghiệp	Phạm Ngọc Tuấn	2017	NXB ĐH Bách khoa TP Hồ chí Minh	Quản lý bảo dưỡng trong công nghiệp
25	Manufacturing systems design and analysis	Wu, B.	2012	Springer Science & Business Media.	Phân tích hệ thống sản xuất
26	Quản lý sản xuất và tác nghiệp	Trương Đoàn Thề	2006	Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà nội	Quản lý tác nghiệp Phân tích hệ thống sản xuất Thực tập vận hành
27	Quản lý sản xuất và tác nghiệp	Nguyễn Văn Nghiên	2009	NXB giáo dục	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất Thực tập nhận thức Thực tập vận hành
28	Warehousing	Michael G. Kay	2015	North Carolina State University	Thiết kế kho hàng
29	English for Technical Purposes	Kursverlauf., Kursmaterial	-	-	Tiếng Anh QLCN
30	Total quality	Vincent K. Omachonu	2005	CRC Press	Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện – TQM
31	Industrial economics	G. Symeonidis	2015		Kinh tế công nghiệp

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Năm XB	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/học phần
32	Simulation modelling and analysis, fifth edition	Averill M. Law	2015	McGraw-Hill Education	Mô phỏng hệ thống
33	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	2014	NXB Tài chính	Quản lý tài chính
34	Phân tích và quản lý dự án đầu tư	Nguyễn Minh Duệ	2014	Hội ĐLVN	Phân tích và quản lý dự án
35	Quản lý chất lượng trong các tổ chức	Tạ Thị Kiều An	2006	Nhà xuất bản thống kê	Quản lý chất lượng
36	Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân	2012	NXB ĐH kinh tế quốc dân	QL nguồn nhân lực
37	Hướng dẫn thiết kế và quản lý vận hành kho hàng và trung tâm phân phối.	Lê Anh Tuấn	2015	NXB KH&KT	Quản lý dự trữ và kho hàng. Thiết kế kho hàng. Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối
38	Introduction to Material Handling	Siddhartha Ray	2008	NEW AGE INTERNATIONAL (P) LIMITED, PUBLISHERS	Tổ chức xếp dỡ hàng hóa
39	Thiết kế và phát triển sản phẩm	Trần Anh Tuấn	2013	MES Lab. Campus	Phát triển sản phẩm
40	Giáo trình quản lý công nghệ	Nguyễn Đăng Dâu	2007	NXB Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý công nghệ
41	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Phạm Thị Thanh Hồng	2012	NXB Bách khoa	Hệ thống thông tin quản lý
42					Kỹ thuật đo lường
43	Công nghệ lò hơi và mạng nhiệt	Phạm Lê Dân, Nguyễn Công Hân	2001	NXB Khoa học và Kỹ thuật	Hệ thống cung cấp năng lượng nhiệt
44	Giáo trình Tin học ứng dụng	PGSTS Hàn Viết Thuận	2012	NXB ĐHKT Quốc dân	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế
45	Giáo trình Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Ngô Tuấn Kiệt, Ths. Nguyễn Thị Lê Na	2014	-	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
46	Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	2012	NXB Đại học kinh tế quốc dân	Quản trị chiến lược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Năm XB	Nhà xuất bản	Sử dụng cho môn học/học phần
47	Quản trị cung ứng	Đoàn Thị Hồng Vân, Nguyễn Xuân Minh, Kim Ngọc Đạt	2014	NXB Tổng hợp TP HCM	Quản lý mua hàng
48	Giao nhận Vận tải và Bảo hiểm	Đỗ Quốc Dũng	2015	NXB Tài chính	Vận tải và giao nhận hàng hóa
49	Tài liệu hướng dẫn Sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Đại học Bách Khoa - Trung tâm Sản xuất sạch hơn	2011		Sản xuất sạch hơn

DANH MỤC SÁCH CHUYÊN KHOA, TẠP CHÍ CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Tên sách chuyên khảo /tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Truyền nhiệt	Bùi Hải Trương Nam Hưng	NXB KHKT, 2010	1	Kỹ thuật nhiệt 1
2	Mạng nhiệt	Nguyễn Công Hân	NXB Khoa học và Kỹ thuật 2008	3	HT cung cấp NL nhiệt
3	Giáo trình nhiệt động kỹ thuật	Lê Nguyên Minh	NXB Giáo dục 2009	20	HT cung cấp NL nhiệt
4	Giáo trình quản trị học	Đồng Thị Vân Hồng	Nhà xuất bản lao động, 2009	2	Quản trị học
5	Giáo trình cơ sở Quản lý tài chính	Nghiêm Sĩ Thương	NXB Giáo dục, 2011	5	Quan lý tài chính
6	Operations management	Render B. and Heizer J	New York: Pearson, 2017	1	QL tác nghiệp
7	Hệ thống câu hỏi và bài tập nguyên lý kế toán (tái bản lần thứ nhất)	Nguyễn Tố Tâm	Nhà xuất bản giáo dục (2012)	1	Kế toán đại cương
8	Giáo trình quản trị chất lượng.	Nguyễn Đình Phan và Đặng Ngọc Sự	Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân, 2012.	20	Quản lý chất lượng
9	Giáo trình Quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn Tấn Thịnh	NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2008	6	Quản lý nguồn nhân lực
10	Human resource management	Mathis R.L	South-Western College Pub, 2010.	1	Quản lý nguồn nhân lực

TT	Tên sách chuyên khảo /tập chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
11	Kinh tế học đại cương	Nguyễn Ái Đoàn	Nhà xuất bản KHKT 2003	7	Kinh tế học đại cương
12	Tài liệu đào tạo Người Quản lý năng lượng	Bộ Công Thương	NXB Giao thông vận tải - 2010	2	Xây dựng mô hình QLNL
13	Tối ưu hóa tập 1, 2	Bùi Minh Trí	NXB Khoa học và Kỹ thuật - 2005	7	Toán kinh tế
14	Bài tập cơ sở kỹ thuật nhiệt.	Phạm Lê Dân	NXB Giáo dục – 2009	57	Sử dụng NLTK&HQ
15	Giáo trình lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008	10	Phân tích và quản lý dự án
16	Giáo trình quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2010	12	Phân tích và quản lý dự án
17	Giáo trình phân tích và quản lý dự án đầu tư	Thái Bá Cẩn	NXB Giáo dục, 2009	10	Phân tích và quản lý dự án
18	Project Management - A Systems Approach to Planning, Scheduling, and Controlling	Harold Kerzner	New Jersey: John Wiley&Sons,Inc, 2003	1	Phân tích và quản lý dự án
19	Bài giảng Kinh tế lượng.	Nguyễn Quang Dong	Nhà xuất bản Giao thông vận tải. 2008	5	Kinh tế lượng
20	Phương pháp sản xuất LEAN	Nguyễn Đạt Minh	NXB Công thương	1	Quản trị sản xuất tinh gọn

13. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông ngang, liên thông dọc phù hợp với quy định hiện hành.

Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học Điện lực để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

Phòng Đào tạo Trường Đại học Điện lực tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn.

Ít nhất 2 năm một lần, các khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CTĐT

TS. Trương Huy Hoàng

TS. Dương Trung Kiên